TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-VDS	*Bà Rịa, ngày 09 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người đã chết
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Vương Thị Thùy Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 110/2018/TLST-.VDS ngày 14/5/2018 về việc "tuyên bố một người đã chết" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2018/QĐST-VDS ngày 28 tháng 9 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị B, sinh năm 1960;

Trú tại: xã P, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Bà B có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và lời trình bày của bà Trần Thị B:

Bà Trần Thị B sống chung với ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào năm 1982. Ông Đ sống cùng bà B tại xã P, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống ông bà có chung 04 người con là Hoàng Thị Ngọc Duyên, sinh năm 1983; Hoàng Thị Ngọc Diễm, sinh năm 1984; Hoàng Thị Ngọc Dung, sinh năm 1987; Hoàng Dũng Tiến, sinh năm 1991. Khi con cái đã lớn, bà và ông Đ mới về nơi đăng ký thường trú của ông Đ đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/98 ngày 03/11/1998 tại phường P, thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa.

Năm 2000, ông Đ đi về gia đình của ông tại phường P và sống cùng người chị của ông. Ngày 15/4/2002, ông Đ quay về nhà thăm bà được một tháng, sau đó ông đi biệt tích. Bà B đã liên hệ gia đình bên chồng nhưng gia đình đã bán nhà đi, không còn ai biết ông Đ đi đâu, chính quyền địa phương thì trả lời không

quản lý. Vì còn dính líu đến ông Đ giấy đăng ký kết hôn nên mọi giao dịch giấy tờ liên quan quyền sử dụng đất mặc dù của riêng bà cũng khó thực hiện. Từ đó bà yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Đ đã chết để đảm bảo quyền lợi cho bà và gia đình bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến:

Về việc thụ lý yêu cầu tuyên bố ông Hoàng Văn Đ đã chết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết của Thẩm phán và thư ký Tòa án là đảm bảo về thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết: Bà Trần Thị B có đơn yêu cầu tuyên bố chồng bà là ông Hoàng Văn Đ đã chết, kèm theo đơn đã nộp các chứng cứ chứng minh. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của bà B, tuyên bố ông Hoàng Văn Đ đã chết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị B yêu cầu tuyên bố ông Hoàng Văn Đ đã chết. Ông Đ có nơi cư trú cuối cùng tại khu phố 3, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên yêu cầu của bà B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị B yêu cầu tuyên bố ông Hoàng Văn Đ đã chết. Chính quyền địa phương nơi bà B đang sinh sống và nơi cư trú cuối cùng của ông Đ đều xác nhận về việc ông Đ không còn sinh sống tại địa phương từ năm 2002 và không rõ còn sống hay đã chết. Bà B đã đăng tin tìm kiếm ông Đ trên báo Công lý và đài Tiếng nói Việt Nam từ ngày 01/6/2018 cho đến nay nhưng không có tin tức của ông Đ. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu của bà B về việc tuyên bố ông Hoàng Văn Đ đã chết. Thời gian bà B xác định ông Đ biệt tích là ngày 15/5/2002.

[3] Về lệ phí giải quyết việc, bà B phải nộp theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 71 của Bộ luật dân sự, khoản 4 Điều 27, Điều 393 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1963 đã chết. Ngày ông Hoàng Văn Đ chết là ngày 15/5/2002.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự bà B phải nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002205 ngày 11/5/2018.

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ra quyết định (09/10/2018), người yêu cầu có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- Chi cục THADS TPBR;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(đã ký)

Lê Thị Hồng Nguyệt

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại……. là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"